

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/DS-PT

Ngày: 15-11-2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng

Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P - sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm V, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc D - sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm K, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc D là bị đơn.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án

và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Vào ngày 25/4/2015, bà Trần Thị Ngọc D có hót một đầu huê của bà với số tiền là 40.000.000 đồng, thực chất đây là giao dịch vay tài sản có thoả thuận lãi giữa bà và một mình bà D, không hình thành dây biểu đồng người tham gia, bà D vay của bà 40.000.000 đồng trả thành 50.000.000 đồng, tức là tiền lãi 10.000.000 đồng; khi vay, bà và bà D thoả thuận là sau khi vay tiền của bà thì bà D phải góp trả cho bà mỗi ngày 200.000 đồng, cho đến khi trả đủ số tiền 50.000.000 đồng. Bà D đã trả góp cho bà nhiều lần được tổng số tiền 2.500.000 đồng, khi bà D góp trả tiền thì bà D đưa tiền cho bà và bà tự theo dõi. Nhưng sau đó bà D không góp trả tiền cho bà theo như thoả thuận, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nợ, vào ngày 09/10/2023 bà đã gửi “Giấy thông báo nợ” yêu cầu bà D trả nợ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo, nếu bà D không trả nợ thì bà sẽ khởi kiện, nhưng hết thời hạn đã ấn định, bà D vẫn không trả tiền cho bà và cũng không có ý kiến gì phản hồi, vì vậy bà đã khởi kiện bà D.

Tại đơn khởi kiện, bà khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc D phải trả cho bà số tiền vay nợ gốc (hót huê) là 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 40.000.000 đồng này trong thời gian 102 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng là 65.280.000 đồng, đã trả 2.500.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi còn lại là 102.780.000 đồng. Sau đó bà đã thay đổi, bổ sung, rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà yêu cầu cụ thể như sau:

- Bà rút yêu cầu khởi kiện đối với bà D về việc yêu cầu bà D phải trả khoản tiền lãi 65.280.000 đồng, bà không yêu cầu bà D phải trả tiền lãi nữa.

- Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay bà khởi kiện đòi lại tài sản, cụ thể: bà yêu cầu bà D trả lại tài sản cho bà là số tiền 37.500.000 đồng vì vào ngày 25/4/2015 bà D đã nhận của bà số tiền 40.000.000 đồng nhưng bà D mới trả lại cho bà 2.500.000 đồng, số tiền còn lại là 37.500.000 đồng bà yêu cầu bà D phải trả cho bà.

** Tại Bản trình bày đề ngày 09/01/2024, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị Ngọc D trình bày:*

Bà Lê Thị Kim P khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/10/2023 tổng cộng 102.780.000 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 62.780.000 đồng và trả lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến khi trả nợ xong là không có cơ sở vì:

Tại “Giấy thông báo nợ” đề ngày 09/10/2023 do bà P gửi cho bà thì bà P khẳng định: Ngày 25/4/2015 bà P có cho bà hót một đầu huê 40.000.000 thành 50.000.000 để mua đất. Như vậy giữa cá nhân bà và bà P không thực hiện bất kỳ

giao dịch nào về việc vay mượn tài sản để mua đất mà đây chỉ là việc bà P tổ chức chơi huê hụi đại trà, cá nhân bà thoả thuận giá cao hơn với bà P nên bà P đồng ý để bà hốt huê, hụi.

Theo tập quán tại địa phương, giữa bà và bà P đã diễn ra việc giao dịch hốt huê hụi rất nhiều lần. Các lần trước, khi hốt huê thì cá nhân bà sẽ viết “một tờ giấy huê” để chủ hụi (bà P) giữ làm niềm tin. Sau đó thì bà sẽ đóng (góp trả) một ngày 200.000 đồng cho bà P đến khi hoàn thành dây hụi. Trong trường hợp đóng trễ thì qua ngày kế tiếp bà sẽ đóng thành 400.000 đồng hoặc 600.000 đồng và các lần thu tiền hụi hằng ngày như vậy thì chủ hụi (bà P) sẽ tự ghi trực tiếp lên “tờ giấy huê” để theo dõi và cân trừ.

Lần cuối cùng bà hốt huê của bà P là ngày 25/4/2015 với số tiền 40.000.000 đồng thành 50.000.000 đồng, ngày đóng 200.000 đồng, bà đã trả đầy đủ 8 tháng 10 ngày, dây huê hụi này đã kết thúc ngày 25/01/2016.

Bà cho rằng dây hụi đã kết thúc đến nay hơn 07 năm, giữa bà và bà P không có bất kỳ giao dịch nào về vay mượn hoặc chơi huê hụi, nay bà P khởi kiện bà cho rằng đó là số tiền bà vay là không đúng sự thật.

Vì vậy bà yêu cầu Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P.

Trong trường hợp nếu Toà án xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản để giải quyết vụ án.

Tại Bản trình bày ngày 27/6/2024, bà Trần Thị Ngọc D trình bày bà không vay mượn tiền của bà P, bà chỉ hốt huê, hụi của bà P. Ngoài ra, bà P cho rằng trong số 40.000.000 đồng này bà đã trả cho bà P 2.500.000 đồng là cũng không đúng, lý do tại giấy hốt huê do bà P giao nộp cột bên trái do bà P tự viết (khi bà trả tiền) thể hiện chỉ có 300.000 đồng, nhưng bà P cho rằng 2.500.000 đồng điều này chứng tỏ lời trình bày và yêu cầu của bà P cũng có sự mâu thuẫn nhất định. Bà D khẳng định số tiền huê hụi nêu trên bà đã trả đầy đủ cho bà P từ cuối tháng 8/2015.

Từ những lý do trên, bà D đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà phải trả số tiền vay mượn 37.500.000 đồng cho bà P theo giấy hốt huê ngày 25/04/2015.

** Bản án số 40/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P, buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc D phải trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền 37.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Kim P về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D phải trả số tiền lãi là 65.280.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 17/7/2024, bà Trần Thị Ngọc D có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc D đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, về án phí và chi phí tố tụng khác, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 28/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên, bà Trần Thị Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 17/7/2024, bà D có Đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà D trình bày đã trả hết nợ cho bà P nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngày 20/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Thông báo số 506/TB-TA yêu cầu bà D cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà D đã trả đủ số tiền hốt huê vào ngày 25/4/2015 của bà P, tuy nhiên bà D không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

[2.2] Tại bản trình bày ngày 09/01/2024 (bút lục số 32) bà Trần Thị Ngọc D xác định: *“Lần cuối cùng tôi hốt huê của bà P là 25/4/2015, 40.000.000 thành 50.000.000, ngày đóng 200.000 (hai trăm nghìn đồng), thì cá nhân tôi đã trả đầy đủ (8 tháng 10 ngày), đây huê hui này đã kết thúc ngày 25/01/2016”*. Tại đơn kháng cáo đề ngày 17/7/2024 (bút lục số 87), bà Trần Thị Ngọc D lại cho rằng tên *“diệu”* được nhắc đến trong chứng cứ bà Lê Thị Kim P giao nộp là giấy viết tay có nội dung *“Em diệu hốt huê chị P 40.000.000 = 50.000.000 (Bốn mươi triệu thành năm mươi triệu y) ngày nộp 200.000 25/04/2015”* không phải là bà vì xã T, T có nhiều người tên D; Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nội dung trên tuyên buộc bà phải trả số tiền 37.500.000 đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Kim P yêu cầu Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để trung cầu giám định chữ viết trong tài liệu, chứng cứ mà bà đã giao nộp. Theo Kết luận giám định số 1041/KL-KTHS ngày 22/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q thì chữ viết có nội dung: *“Em diệu hốt huê chị P 40.000.000 = 50.000.000 (Bốn mươi triệu thành năm mươi triệu y) ngày nộp 200.000 25/04/2015”* trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết của bà Trần Thị Ngọc D trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra. Trong đó, M1 là chữ viết *“Trần Thị Ngọc D”* trên *“ĐƠN YÊU CẦU”* đề ngày 21/6/2024 (bút lục số 65), M2 là chữ viết *“Trần Thị Ngọc D”* trên *“QUYẾT ĐỊNH HOÃN PHIÊN TÒA”* số 138/2024/QĐST-DS ngày 14/6/2024 (bút lục số 61), M3 là chữ viết *“Trần Thị Ngọc D”* trên *“QUYẾT ĐỊNH ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ”* số 225/2024/QĐXXST-DS ngày 30/5/2024 (bút lục số 50). Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 629/TB-TA ngày 24/10/2024 cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình, do đó nội dung kháng cáo nêu trên là không có cơ sở.

[2.3] Bà D còn cho rằng bà P có chồng là ông Trần Minh A và bà có chồng là ông Nguyễn Văn C, mục đích bà hốt huê của bà P là để kinh doanh mà Tòa án cấp sơ thẩm lại không đưa ông C và ông A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng. Tuy nhiên, theo tài liệu bà P cung cấp thì không thể hiện mục đích bà D hốt huê để sử dụng vào việc gì. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có Thông báo số 550/TB-TA ngày 06/9/2024 yêu cầu bà D cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà, nhưng bà D không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án cấp phúc thẩm.

Xét những nội dung bà D kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận; Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí :

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.875.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà P 2.569.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000911 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003493 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Bà D đã nộp và chi phí xong.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định là 3.000.000 đồng, bà D phải chịu. Bà P đã nộp và chi phí xong, nên bà D có trách nhiệm hoàn trả cho bà P số tiền là 3.000.000 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc D, giữ nguyên Bản án số 40/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P, buộc bà Trần Thị Ngọc D phải trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 37.500.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc D phải trả số tiền lãi là 65.280.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), bà Trần Thị Ngọc D phải chịu. Bà Lê Thị Kim P đã nộp và chi phí xong, nên bà Trần Thị Ngọc D có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.875.000 đồng (*Một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 2.569.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000911 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003493 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa